

Tập 150

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm mười chín:

(Sao) Cổ kinh vân: “Thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang” đẳng, thị quang sắc bất nhị, Tịch Chiếu song dung dã.

(鈔) 故經云：青色青光，黃色黃光等，是光色不二，寂照雙融也。

(Sao: Vì thế, kinh nói “sắc xanh, ánh sáng xanh; sắc vàng, ánh sáng vàng” v.v... chính là nói quang minh và màu sắc bất nhị, Tịch và Chiếu cùng viên dung).

Kế đó là phần tổng kết, nhằm quy kết vào kinh này. “*Thanh sắc, thanh quang*”, thanh sắc là thật sắc, thanh quang là giả sắc. Giả sắc và thật sắc đều chẳng lìa tâm thanh tịnh, trong kinh nói là “*quang sắc bất nhị*”, tức là ý nghĩa tự tánh “*Tịch - Chiếu song dung*”. Còn có một cách giải thích khác, trong màu xanh có ánh sáng xanh, màu trắng có ánh sáng trắng, quang sắc bất nhị, Tịch Chiếu song dung, tức là nói quang có ý nghĩa Chiếu, sắc có ý nghĩa Tịch. Quang minh và màu sắc của hoa bất nhị, cũng nhằm hiển thị Tánh Thể Tịch - Chiếu cùng viên dung. Dưới đây là lời giải thích rất tường tận.

(Sao) Hựu tự tánh tịch, thị hoa hợp nghĩa. Tự tánh chiếu, thị hoa khai nghĩa.

(鈔) 又自性寂，是華合義；自性照，是華開義。

(Sao: Lại nữa, tự tánh tịch là ý nghĩa hoa hợp lại. Tự tánh chiếu là ý nghĩa hoa nở).

Đây là nói tới hoa sen khép lại hay xòe nở. Trong tự tánh bao hàm vạn đức, Lục Tổ đại sư nói “*vốn sẵn tròn đủ*”, vô lượng nghĩa lý, vô biên sắc tướng, tự tánh thấy đều tròn đủ. Trong Phật pháp, vô lượng vô biên được quy nạp lại thì chẳng ngoài Thể và Dụng. Tịch là nói đến Thể, Thể là thanh tịnh, tịch diệt. Nói Chiếu là nói tới tác dụng của nó. Nói Sắc thì Sắc cũng nhằm tỷ dụ bản thể của tự tánh. Nói Quang là nói tới tác dụng Chiếu của nó. Bất luận nói như thế nào, nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, quy nạp chúng lại thì một đằng là nói theo Thể, một đằng là nói theo Dụng. Vạn pháp trong vũ trụ, vô lượng vô biên Thể, Dụng, rốt ráo do đâu mà có?

Chúng ta hiểu rõ, toàn là do tự tánh biến hiện. Sau khi hiểu đạo lý này, mục đích học Phật của chúng ta là muốn kiến tánh. Tánh Đức không thể hiện tiền; nói cách khác, Tánh Đức có vô biên diệu dụng, nhưng chúng ta làm thế nào cũng chẳng đạt được, dùng phương pháp gì cũng đều chẳng học được!

Người trong thế gian hiện thời, bất luận người Trung Hoa hay ngoại quốc đều rất thích thần thông, thần thông là tác dụng. Thần thông có thể học được hay không? Thừa chư vị, chẳng học được! Nhưng có người học liền có [thần thông]. Thần thông là có, vì sao nói là “chẳng học được”? Tôi bảo quý vị, hễ quý vị học thì sẽ học chẳng được! Nếu quý vị học liền đắc thần thông thì sẽ phiền phức to lớn. Thần thông do đâu mà có? Yêu ma quỷ quái dựa vào thân quý vị để hiển lộ, sức thần thông ấy chẳng phải là của chính quý vị, mà là của kẻ khác. Chư vị đọc kỹ kinh Lăng Nghiêm sẽ hiểu. Kinh Lăng Nghiêm nói năm mươi thứ Âm Ma. Tâm quý vị ưa chuộng thần thông, sẽ kết hợp với bản lãnh của yêu ma, quỷ quái [tạo thành thần thông, nhưng quý vị chẳng biết], quý vị lại ưa chuộng, hoan hỷ. Nói cách khác, rất dễ bị ma gạt gẫm. Ma có thể nhờ vào thân thể của quý vị để hiện một chút thần thông, quý vị đắc ý, ma cũng đắc ý! Nhưng ngày nào đó, nếu ma rời khỏi thân quý vị, năng lực ấy hoàn toàn bị mất đi. Tôi tin tưởng các đồng tu đã đọc kỹ kinh Lăng Nghiêm, hiểu khá rõ chuyện này. Rốt cuộc thần thông do đâu mà có? Thừa cùng chư vị, từ trong tâm thanh tịnh mà có. Sáu thứ thần thông là bản năng (năng lực sẵn có) của chúng ta, chẳng có một chút hiếm hoi, lạ lùng nào, chúng là những thứ phải nên có! Hiện thời, những năng lực ấy bị mất đi, chẳng có, là do nguyên nhân gì? Do tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Do vậy, học Phật là học gì? Khôi phục tâm thanh tịnh mà thôi. Tịch là trọng yếu!

Trong các đồng tu chúng ta, cũng có một số người học giảng kinh. Quý vị lên đài giảng kinh, giảng đến mức hoa trời rơi lá tả, đó là Chiếu! Vì sao quý vị có thể giảng? Tâm nhất định phải tịch, tâm địa đạt đến mức thanh tịnh tịch diệt, liền tương ứng với tâm Phật. Tâm Phật là tâm thanh tịnh tịch diệt, tâm quý vị cũng là tâm thanh tịnh tịch diệt, quý vị và Phật “*tâm tâm tương ứng*”. Những kinh do đức Phật đã giảng, quý vị vừa nhìn vào liền hiểu rõ, vì sao? Giống hệt như từng thứ hiển hiện trong tâm của chính mình, chẳng hai, chẳng khác. Vì thế, từ xưa tới nay, các tổ sư đại đức hoằng pháp lợi sanh chẳng có một vị nào tâm không thanh tịnh. Trước đây, giảng đại tòa, mở đầu là hương tán, sau đó là tụng kinh, rồi hô chúng sanh kệ, rồi lại niệm Phật, rồi niệm kệ khai kinh, gần như là mất từ nửa giờ đến bốn mươi phút, trong lúc ấy, pháp sư giảng kinh ở trên giảng đài

làm gì? Nhập định! Tâm đã định, do nhập Định, đã định rồi thì mới có thể quán sát căn cơ, mới có thể tương ứng. Hiện thời, do mọi người chẳng muốn lãng phí nhiều thời gian như thế, nên đơn giản hóa nghi thức, chỉ niệm Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ba lần xong bèn niệm kệ Khai Kinh [rồi bắt đầu giảng kinh].

Vì vậy, Tịch và Chiêu vô cùng trọng yếu, ngàn muôn phần chẳng thể coi nhẹ! Tuy nay chúng ta là kẻ thuộc lứa tuổi trung niên trở lên mới học Phật, đối với những chữ này, chớ nên chẳng coi trọng. Nếu quý vị chẳng coi trọng, nói cách khác, phiền não chẳng thể giảm bớt, niệm Phật không thể đắc nhất tâm. Đừng nói là đắc nhất tâm, công phu thành phiền cũng chẳng đạt được, vấn đề này hết sức nghiêm trọng. Công phu chân chánh, chính mình có năng lực liễu sanh tử, thoát tam giới, có thể giúp đỡ người khác. Học Phật có thành tựu toàn là do công phu định lực của chính mình, nên tôi hy vọng mọi người hãy đặc biệt chú ý chuyện này. Tâm bất định, tâm chẳng thanh tịnh, sẽ chẳng khởi tác dụng.

(Sao) Tự tánh cụ túc nhất thiết thiện pháp, thị vi diệu hương khiết nghĩa.

(鈔) 自性具足一切善法，是微妙香潔義。

(Sao: Tự tánh trọn đủ hết thảy thiện pháp là ý nghĩa vi diệu hương khiết).

Tự tánh vốn trọn đủ “*hết thảy thiện pháp*”, nhưng chư vị phải biết: Nếu quý vị mê mất tự tánh, hết thảy thiện pháp vốn có trong tự tánh đều biến thành ác pháp. Nhất Chân pháp giới vốn sẵn có trong tự tánh, nga quỷ, súc sanh và địa ngục cũng vốn sẵn có trong tự tánh. Tự tánh tịnh liền hiện Nhất Chân pháp giới; tự tánh mê liền hiện mười pháp giới, hiện ra lục đạo, hiện ra tam ác đạo.

(Sao) Nhiên tắc bất ly trần cảnh, vị dục bảo trì, thường tại liên hoa trung, kinh hành cập tọa ngọa.

(鈔) 然則不離塵境，未浴寶池，常在蓮華中，經行及坐臥。

(Sao: Vậy thì chẳng lìa trần cảnh, chưa tắm trong ao báu, mà thường kinh hành và ngồi, nằm trong hoa sen).

Đây là nói về chúng ta trong hiện tại. Trước mắt, chúng ta chẳng lìa khỏi thế giới Sa Bà. Thế giới Sa Bà là trần cảnh, chưa vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc là ao báu, [vãng sanh Cực

Lạc lã] hóa sanh trong ao sen bảy báu. Nay chúng ta đầy đủ tín nguyện, thật sự có tín, có nguyện, tâm thanh tịnh, tuy chưa rời khỏi Sa Bà, chưa vắng sanh Cực Lạc, vẫn giống như đang kinh hành trong hoa sen, vì sao? Thân tâm thanh tịnh, chẳng có vọng niệm, chỉ có một niệm A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, quyết định chẳng có tạp niệm. Khi tâm đạt đến mức khá thanh tịnh, đối với hết thấy sự biến hóa trong thế gian này, hết thấy nhân quả, quý vị tự nhiên hiểu rõ, tự nhiên thông đạt. Vì thế, chân tu thực tiến là chuyện khẩn yếu bậc nhất. Chúng ta xem đoạn lớn cuối cùng.

Tứ, tổng kết.

(Kinh) Xá Lợi Phất, Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(Sớ) Như thượng lan vôong, hàng thụ, trì, các, liên hoa, chủng chủng trang nghiêm, giai thị A Di Đà Phật nhân trung sở phát đại nguyện, cập nguyện hậu sở tu đại hạnh, vô lượng công đức chi sở thành tựu dã, như Hoa Nghiêm trung nguyện hạnh, diệc đồng thứ ý.

四總結。

(經) 舍利弗。極樂國土。成就如是功德莊嚴。

(疏) 如上欄網行樹，池閣蓮華，種種莊嚴，皆是阿彌陀佛因中所發大願，及願後所修大行，無量功德之所成就也。如華嚴中願行，亦同此意。

(Bốn, tổng kết.

Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế.

Sớ: Các thứ trang nghiêm như lan can, lưới, hàng cây, ao, gác, hoa sen trên đây đều do A Di Đà Phật trong lúc tu nhân đã phát đại nguyện và đại hạnh do Ngài đã tu sau khi phát nguyện, vô lượng công đức thành tựu. Như các nguyện hạnh trong kinh Hoa Nghiêm cũng có cùng ý nghĩa này).

Đối với đoạn giải thích này, nếu đã đọc kinh Vô Lượng Thọ sẽ hiểu rõ ràng, minh bạch. Chúng ta hiểu rất rõ quá trình A Di Đà Phật kiến tạo Tây Phương Cực Lạc thế giới: Ngài được Thế Tụ Tại Vương Như Lai giáo huấn, tư duy năm kiếp, tham phỏng hai trăm mười ức chư Phật quốc độ. “Hai trăm mười ức” là biểu thị pháp, chẳng phải là con số, bỏ khuyết điểm, chọn lấy ưu điểm của người khác, kiến lập một thế giới viên mãn

rốt ráo trong hết thấy các cõi Phật, nên gọi là thế giới Cực Lạc. Đó là đại nguyện, đại hạnh của Ngài, vô lượng công đức thành tựu.

(Sao) Nguyện dĩ khởi hạnh, hạnh dĩ thật nguyện.

(鈔) 願以起行，行以實願。

(Sao: Nguyện để khởi hạnh, hạnh để thực hiện nguyện).

Hai câu này vô cùng trọng yếu. Sau khi quý vị phát nguyện, đương nhiên sẽ làm, làm thì gọi là Hạnh. Phải dùng sự hành trì của quý vị để viên mãn đại nguyện, đó là Thật. “Thật” (實) là thực hiện. Trong Phật môn cũng thường nói “*dĩ nguyện đạo hạnh*” (以願導行: Dùng hạnh để hướng dẫn nguyện), nguyện dẫn đường cho chúng ta. Nguyện là chí nguyện, quý vị có phương hướng, mục tiêu; sau đây mới là “*dĩ hạnh điền nguyện*” (以行填願: Dùng hạnh đền bồi nguyện). Nếu quý vị chẳng có hạnh, nguyện ấy là rỗng tuếch, nguyện suông, chẳng thể mãn nguyện. Nếu muốn mãn nguyện, nhất định phải khởi hạnh. Hạnh nhất định phải có nguyện; chẳng có nguyện, hạnh của quý vị chẳng có mục tiêu, chẳng có phương hướng, tuy tinh tấn, tuy nỗ lực, đến cuối cùng chẳng có kết quả. Do vậy, hạnh đó là hạnh oan uổng, rất đáng tiếc! Do vậy có thể biết, nguyện và hạnh có mối quan hệ hết sức chặt chẽ.

Nếu chúng ta suy nghĩ, nguyện ta đã phát có thiết tha hay không? Phát nguyện có giống như Bồ Tát hay không? Quý vị chớ nên quan sát nơi sự phát nguyện, chẳng thấy được đâu nhé! Quan sát từ chỗ nào? Quan sát từ hạnh sẽ có thể nhận biết. Ví dụ như ta thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, [sẽ là] trong mười hai thời, ta chẳng chịu buông lỏng Phật hiệu một khắc nào, chứng tỏ nguyện của quý vị khẩn thiết. Nếu ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, mà trong mười hai thời vẫn dấy vọng tưởng, nguyện ấy chẳng thiết tha. Tuy có nguyện, nguyện ấy chẳng thể sanh ra sức mạnh, cũng có nghĩa là ý nguyện của quý vị chẳng mạnh mẽ, mà rất bạc nhược, do quý vị chẳng làm được! Nếu ý nguyện của quý vị hết sức mạnh mẽ, nhất định sẽ trong từng phút, từng giây đều tranh thủ, chẳng để luống qua! Từ chỗ này có thể thấy được nguyện tâm và tín tâm của chính mình. Nguyện do đâu mà có? Nguyện do tín mà có. Không có tín, lấy đâu ra nguyện? Vì thế, có tín trước rồi sau đó có nguyện, dùng nguyện hướng dẫn hạnh, lãnh đạo chúng ta tiến hành, lãnh đạo chúng ta tu tâm.

(Sao) Bồ Tát nhân địa, mạc bất giai nhiên.

(鈔) 菩薩因地，莫不皆然。

(Sao: Bồ Tát trong lúc tu nhân, không vị nào chẳng vậy).

Mười phương ba đời hết thấy các vị Bồ Tát trong lúc tu nhân đều là như vậy. Nói đến chỗ này, chúng ta thấy trạng huống thực tế của nhiều kẻ tu hành, bèn hiểu đây chẳng phải là chuyện dễ dàng, nguyên nhân ở chỗ nào? Nói thật thà, vẫn là do cơ sở, cơ sở là gì vậy? Là phước huệ. Người ấy chẳng có phước, chẳng có huệ, chẳng được! Vì vậy, kinh đã nói rất rõ ràng: “*Không thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy*”. Có thể tin, có thể nguyện, đó đều là đại thiện căn, đại phước đức. Nay chúng ta tín nguyện chẳng thiết, tỏ lộ điều gì? Thiện căn và phước đức của chúng ta chẳng đủ, mà cũng là trí huệ chẳng đủ, phước báo quá ít. Bởi lẽ đó, tín chẳng sâu, nguyện chẳng thiết, hạnh cũng vô lực, đều tỏ lộ rất miến cưỡng. Học Phật kiểu đó, học suốt một đời cũng chỉ là gieo một chút thiện căn trong A Lại Da Thức mà thôi, đời này có thể thành tựu hay không? Có rất nhiều vấn đề! Do vậy có thể biết, tu phước và tu huệ là vấn đề vô cùng bức thiết của chúng ta trong hiện tại. Hiện thời, dù sao chúng ta chẳng phải là kẻ sơ học! Cổ đức đã nói “*mất dê sửa chuông, vẫn chưa kể là chậm*”! Nay tín, nguyện, hạnh, phước, huệ, thấy đều phải tu, phải hành đồng loạt, nhằm bổ sung căn cơ chẳng đủ trong quá khứ, phải học theo cách như vậy. Vì thế, đặc biệt phải biết tu phước và tu huệ, làm như vậy thì mới có phần tương ứng với nhân địa của hết thấy chư Bồ Tát.

(Sao) Hạnh mãn, nguyện toại, danh vi thành tựu.

(鈔) 行滿願遂，名為成就。

(Sao: Hạnh mãn, nguyện toại, gọi là thành tựu).

Quý vị hành trì viên mãn, đạt được nguyện vọng, đó là “*thành tựu*”. Trong kinh Vô Lượng Thọ, A Di Đà Phật đã hiển thị công đức trang nghiêm thành tựu, đều do sức hạnh nguyện rộng lớn của Ngài trong lúc tu nhân, chẳng phải là một sớm một chiều. Nay chúng ta tu học quả thật vô cùng khổ sở, đó là vì thiện căn và phước đức của các đồng tu quá mỏng. Trong hết thấy các pháp môn, chúng ta chẳng nhận thức rõ ràng cho lắm, thường coi chánh pháp là tà pháp, coi tà pháp như chánh pháp, tà - chánh chẳng thể phân biệt, đúng - sai không thể phân biệt, chân - vọng không thể phân biệt, chịu thiệt thòi quá to! Do chúng ta suốt đời chẳng gặp thiện tri thức; dẫu gặp gỡ, cũng bỏ lỡ, suốt một đời chẳng nắm vững cơ hội.

Trong Phật pháp nói là “cơ duyên”, chẳng nắm vững cơ duyên này, bỏ lỡ. Vì sao quý vị chẳng nắm được? Vì sao quý vị chẳng thể thật sự thân cận thiện tri thức? Tà sư quá nhiều, vọng tưởng quá nhiều, thường sanh nghi hoặc, chẳng thể quyết đoán, trong một đời, rất nhiều cơ duyên ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. Đời này đã là như thế thì chúng ta có thể suy đoán đời kiếp kiếp trong quá khứ đều là tình hình như vậy! Các đồng tu chúng ta đang hiện diện chẳng phải là đời này mới bắt đầu học Phật, mà là như trong kinh đã nói, chẳng biết trong quá khứ quý vị đã thân cận bao nhiêu vị Phật, Bồ Tát! Chẳng có thành tựu, do phạm những lỗi lầm giống hệt như trong hiện tại, nên đời đời kiếp kiếp chẳng thể thành tựu. Từ nay về sau tu học, có thể nói là ở trong hoàn cảnh ngày càng khó khăn. Thế gian này ngày càng loạn, đến nơi đâu để tìm một hoàn cảnh tu học [tốt đẹp]? Tìm chẳng thấy! Cá nhân chúng ta mua một căn nhà để tu, có được hay không? Chẳng được! Có rất nhiều ác duyên. Quý vị nghĩ không ra, quý vị tưởng là thanh tịnh, phiền phức bèn tìm đến, chẳng dễ dàng! Đó là gì? Nghiệp chướng!

Tu phước và tu huệ thì tu ở nơi đâu? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhiều lượt khuyên lơn, khích lệ các vị đồng tu, hãy khăng khăng một mực niệm một câu A Di Đà Phật. Quý vị có thể niệm một câu A Di Đà Phật đến mức tâm thanh tịnh thì Tín, Nguyện, Hạnh, phước huệ của quý vị thấy đều được bao gồm trong đó. Nói như thế thì cũng chẳng khó! Khó ở chỗ quý vị có chịu làm hay không, có chịu khăng khăng một mực thực hiện hay không! Thật sự buông xuống vạn duyên, nhất tâm nhất ý niệm Phật. Niệm kinh bèn chuyên niệm Tịnh Độ Ngũ Kinh, hoặc trong Tịnh Độ Ngũ Kinh, chọn ra một thứ để chuyên niệm, nhất định phải niệm đến mức tâm thanh tịnh hiện tiền, phước đức và trí huệ đều hiện tiền, phải làm như vậy thì mới được. Hãy nghĩ tới quyết tâm và nghị lực tu học của đức Di Đà trong khi tu nhân, chúng ta nên bắt chước, hãy nên học tập. Thời kiếp dài lâu, chúng ta phải có lòng kiên nhẫn, người ta năm kiếp tu hành, nghe Phật thuyết pháp ngàn ức năm, đúng là thọ mạng lâu dài, ngàn ức năm mà! Tu học như vậy thì mới gọi là xứng tánh, tánh là gì? Tánh là chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng; tánh là tâm thanh tịnh. Nếu hạnh nguyện của chúng ta đều có thể tương ứng với tâm thanh tịnh thì cũng là hạnh nguyện sanh từ tâm thanh tịnh, sự tu hành ấy là xứng tánh.

(Sao) Nhân trung giả, vi Pháp Tạng tỳ-kheo thời dã.

(鈔) 因中者，為法藏比丘時也。

(Sao: “Trong lúc tu nhân”: Khi Ngài là tỳ-kheo Pháp Tạng).

Trong lúc A Di Đà Phật tu nhân, lúc Ngài là tỳ-kheo Pháp Tạng.

(Sao) Ngôn nguyện giả, sở phát tứ thập bát nguyện dã. Hữu nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, sanh ngã sát giả, giai ư thất bảo thủy trì, liên hoa hóa sanh”. Hựu nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, ngã sát trung, tự địa dĩ thượng, chí ư hư không, giai hữu cung điện, lầu các, trì lưu, hoa thụ, tất dĩ vô lượng chúng bảo, bách thiên chủng hương nhi cộng hợp thành”. Hựu vân: “Nhược ngã thành Phật, châu biến quốc trung chư trang nghiêm cụ, vô hữu chúng sanh năng tổng diễn thuyết”, đại nguyện.

(鈔) 言願者，所發四十八願也。有願云：我作佛時，生我剎者，皆於七寶水池，蓮華化生。又願云：我作佛時，我剎中自地以上，至於虛空，皆有宮殿樓閣，池流華樹，悉以無量眾寶，百千種香而共合成。又云：若我成佛，周遍國中諸莊嚴具，無有眾生能總演說，是為大願。

(Sao: Nói tới nguyện thì Ngài đã phát bốn mươi tám nguyện. Ngài có nguyện như sau: “Khi tôi làm Phật, người sanh về cõi tôi đều hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu”. Lại nguyện rằng: “Khi tôi làm Phật, trong cõi tôi, từ mặt đất trở lên cho đến hư không, đều có cung điện, lầu gác, ao suối, cây hoa, đều dùng vô lượng các thứ báu, trăm ngàn các thứ hương cùng hợp thành”. Lại nói: “Nếu ta thành Phật, các thứ vật trang nghiêm trọn khắp cõi nước, chẳng có chúng sanh nào có thể diễn nói”, đại nguyện như thế đó).

Trong bốn mươi tám nguyện, nêu đại lược ba điều. Nguyện nào trong các nguyện của đức Di Đà cũng đều được thực hiện, sự thực hiện ấy chính là dùng hành để thỏa nguyện.

(Sao) Đại Bốn vân.

(鈔) 大本云。

(Sao: Kinh Đại Bốn nói).

“Đại Bốn” là kinh Vô Lượng Thọ.

(Sao) Pháp Tạng tỳ-kheo, ư Thế Tự Tại Vương Phật sở, nhiếp thủ nhị bách nhất thập ức Phật sát thanh tịnh chi hạnh.

(鈔) 法藏比丘，於世自在王佛所，攝取二百一十億佛剎清淨之行。

(Sao: Tỳ-kheo Pháp Tạng, ở nơi Thế Tự Tại Vương Phật đã nhiếp thủ các hạnh thanh tịnh trong hai trăm mười ức cõi Phật).

Nói theo kiểu hiện thời, “*nhiếp thủ*” (攝取) là khảo sát, tham phỏng. Chọn lấy ưu điểm, bỏ khuyết điểm của người khác. Người khác có điểm hay, chúng ta phải học theo. Người khác có chỗ xấu, chúng ta phải phản tỉnh chính mình có [khuyết điểm ấy] hay không. Nếu có, phải sửa đổi, cách tu hành là như thế đó! Trong kinh Hoa Nghiêm và Trí Độ Luận, con số “*hai trăm mười*” đều dùng để biểu thị pháp, biểu thị sự viên mãn rất ráo, nên nó chẳng phải là một con số thật sự. Nếu chúng ta muốn tu cái hạnh viên mãn thì nói cách khác, suốt ngày từ sáng đến tối, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, chúng ta phải học theo tỳ-kheo Pháp Tạng. Bất luận quý vị tiếp xúc người, tiếp xúc sự, tiếp xúc vật, hề thấy điều tốt đẹp thì chúng ta phải học tập. Thấy những khuyết điểm, chúng ta phải phản tỉnh chính mình có [những khuyết điểm ấy] hay không? Đó cũng là như Khổng lão phu tử đã nói: “*Tam nhân hành, tất hữu ngã sư*” (Ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta). Ba người thì chính mình là một, hai người kia chính là hết thầy mọi người trong thiên hạ được chia thành hai loại lớn: Một loại là thiện nhân, loại kia là ác nhân. Do đó, chớ nên nghĩ “*ba người*” chỉ là ba cá nhân, quý vị đã hiểu sai ý của Khổng lão phu tử mất rồi!

“*Tam nhân hành*” là quý vị đối xử với tất cả hết thầy mọi người, thấy thiện nhân, quý vị học tập theo người ấy. Thấy kẻ bất thiện, tự mình phản tỉnh, ta có [những lỗi lầm ấy] hay không. Vì vậy, thiện nhân là thầy ta, bất thiện nhân vẫn là thầy của ta. Thiện nhân nêu gương tốt, dạy ta thiện pháp, ta học theo người ấy. Kẻ bất thiện dạy ta phản tỉnh, dạy ta sửa lỗi, đổi mới. Vì thế, người thiện lẫn kẻ ác thầy đều là thầy ta. Thuận cảnh hay nghịch cảnh đều là đạo tràng để tu hành tốt nhất. Năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm mang ý nghĩa này: Trong năm mươi ba vị thiện tri thức, có thiện, có ác, nhưng thầy đều là Bồ Tát. Đó là ý nghĩa “*nhiếp thủ*”. Đối với “*Phật sát thanh tịnh chi hạnh*”, quý vị có thể học tập như vậy, nhất định thành tựu cõi Phật thanh tịnh.

(Sao) Như bĩ tu trì.

(鈔) 如彼修持。

(Sao: Tu trì giống như Ngài).

Đây là dạy chúng ta phải tu học giống như ngài Pháp Tạng thuở ấy.

(Sao) *Hựu vân: Pháp Tạng tỳ-kheo, phát tứ thập bát nguyện dĩ, trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, A-tăng-kỳ kiếp tu Bồ Tát hạnh, hộ thân khẩu ý, tu hành Lục Độ, liễu Không, Vô Tướng, Vô Tác, dĩ hành giáo hóa, trí vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm”, thị vi đại hạnh.*

(鈔) 又云：法藏比丘，發四十八願已，住真實慧，勇猛精進，阿僧祇劫修菩薩行，護身口意，修行六度，了空無相無作，以行教化，致無量眾生發菩提心，是謂大行。

(Sao: Lại nói: Tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát bốn mươi tám nguyện xong bèn trụ trong Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, trong A-tăng-kỳ kiếp tu Bồ Tát hạnh, giữ gìn thân, miệng, ý, tu hành Lục Độ, liễu đạt Không, Vô Tướng, Vô Tác, dùng hạnh giáo hóa, khiến cho vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm”, đó là đại hạnh).

Trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật trước hết phát nguyện, sau khi phát nguyện bèn thật sự tiến hành, nguyện nào cũng chẳng suông rỗng, đó là “trụ Chân Thật Huệ”. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta ba điều chân thật, “Chân Thật chi tể”, tức là Chân Như Bồn Tánh, Chân Thật Huệ là trí huệ Bát Nhã, “chân thật lợi ích” là rốt ráo thành Phật, trong các kinh khác chẳng có ba món chân thật ấy! Chân Thật Huệ, đầu tiên là phải khai ngộ. Quý vị chẳng khai ngộ, lấy đâu ra Chân Thật Huệ? Lại còn phải “dũng mãnh tinh tấn”, kinh Vô Lượng Thọ nói là “năm kiếp tu hành”. Ở đây nói là “A-tăng-kỳ kiếp tu Bồ Tát hạnh”. Kinh văn dạy rõ: Trước là phát nguyện, sau là tu hành; đó gọi là “dĩ nguyện đạo hạnh, dĩ hạnh điền nguyện” (dùng nguyện dẫn dắt hạnh, dùng hạnh đền bồi nguyện).

“Hộ thân khẩu ý”, câu này là trì giới. “Giới vi Vô Thượng Bồ Đề bản” (Giới là gốc của Vô Thượng Bồ Đề), trong ba nghiệp thân, ngữ, ý, lấy ý nghiệp làm chủ. Ý đã thanh tịnh, thân và ngữ chẳng thể nào không thanh tịnh. Thân và ngữ rất thanh tịnh, nhưng ý chẳng thanh tịnh thì không được. [Thanh tịnh kiêu đó] là hình thức, là bề ngoài. Bề ngoài làm ra vẻ rất thanh tịnh, bên trong chẳng thanh tịnh, chẳng được rồi. Do vậy, trọng yếu nhất là ý nghiệp thanh tịnh. Tu học trong Tịnh Độ Tông là một câu A Di Đà Phật, trong tâm quý vị thường có A Di Đà Phật, bèn thanh tịnh. Trong tâm có A Di Đà Phật, quý vị giống như A Di Đà Phật, trong tâm

quý vị đã có, thường xuyên nghĩ tới. Do thường xuyên nghĩ tới, dần dần sẽ biến thành A Di Đà Phật, lẽ nào thân ngữ của A Di Đà Phật chẳng thanh tịnh? Phương pháp này thật sự thuận tiện, ôn hòa, thích đáng, thù thắng hơn hết thảy các hạnh môn quá nhiều!

“*Tu hành Lục Độ*”, Lục Độ là nói đến cuộc sống của chúng ta, nay chúng ta chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong thế gian này, chúng ta chẳng thể rời khỏi xã hội, không thể thoát ly nhân quần, trong cuộc sống, chúng ta phải biết thực hiện như thế nào? Đức Phật dạy chúng ta phải tuân thủ sáu nguyên tắc ấy, sáu điều ấy. Quý vị giữ gìn sáu điều ấy, chẳng sai! Sáu điều ấy là sáu đại cương lãnh, ý nghĩa trong ấy chẳng có cùng tận, cảnh giới rộng lớn vô biên! Trong xã hội hiện thực, phải tu Lục Độ như thế nào? Hai chữ “*tu hành*” là sửa đổi hành vi, sửa đổi uốn nắn tư tưởng và hành vi của chúng ta.

Trong Lục Độ, thứ nhất là Bồ Thí. Bồ Thí là buông xuống. Nói cách khác, xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải dễ dãi một chút, chớ nên quá ngặt nghèo, chớ nên rất chấp trước, đó là Bồ Thí. Đối với thứ gì, quý vị cũng đều khắt khe, thứ gì cũng chấp trước; nói cách khác, phiền não và vọng tưởng của quý vị chẳng dễ đoạn. Nếu quý vị coi nhẹ hết thảy vạn pháp trong thế gian này, sẽ đoạn dễ dàng. Vì thế, Bồ Thí là buông xuống. Trong Niệm Phật Đường thường nói: “*Buông thân, tâm, thế giới xuống*”, chỉ khởi lên một câu Phật hiệu thì mới có thể niệm Phật tốt đẹp, mới có thể niệm tương ứng. Vừa niệm Phật vừa nghĩ trước, tưởng sau, thì niệm Phật hiệu chẳng tốt đẹp, niệm chẳng tương ứng. Do vậy, nhất định phải buông xuống vạn duyên; buông xuống vạn duyên là bồ thí. Vì sao bảo quý vị buông xuống? Nói theo hết thảy chân tướng sự thật, đúng như kinh Kim Cang đã nói: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, hư vọng! Chẳng chân thật! “*Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã nói [như thế], ba ngàn năm sau, những nhà khoa học thông minh trong thế gian này đã chứng minh lời ấy. Trước kia, họ luôn thừa nhận vật chất tồn tại, nhưng hiện tại, gần đây nhất, các khoa học gia chẳng thừa nhận thế gian này có vật chất! Những hiện tượng vật chất là gì? Hiện thời, họ phát hiện, những hiện tượng vật chất ấy là chấn động, tức là hiện tượng dao động ánh sáng, chẳng phải là thực tại! Nếu nói đến hiện tượng dao động, há chẳng phải là mộng, huyễn, bọt, bóng? “*Như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế*”. Các nhà khoa học cận đại đã phát hiện hoàn toàn giống hệt. Do vậy, chẳng có vật chất tồn tại! Quý vị chấp trước, phân biệt vào đó, đúng là vọng tưởng, chẳng phải là sự thật, đây là nói theo Lý, quý vị phải buông xuống. Nói theo sự tướng,

tục ngữ nói: “*Sanh chẳng mang theo gì đến, chết không mang theo gì đi*”. Không sao, ta vẫn chưa chết mà! Quý vị có thể bảo đảm ngày mai vẫn còn sống hay không? Chẳng có ai dám nói chắc chắn ngày mai ta vẫn còn sống! “*Trên đường hoàng tuyền, chẳng có già hay trẻ*”! Hiểu rõ chân tướng sự thật này, chúng ta phải nắm chặt mỗi phút mạng quang, phải nghiêm túc nỗ lực học tập, tu hành. Đây là dạy chúng ta vì sao phải buông xuống, buông xuống là chân thật. Quý vị chẳng bỏ được, bèn là hư vọng. Quý vị có thể buông xuống bèn là Chân Thật Huệ. Quý vị chẳng buông xuống, tức là vô minh, tà kiến.

Thứ hai là Trì Giới, tuân thủ pháp tắc, tuân thủ những điều đức Phật răn dạy, tuân thủ pháp luật của quốc gia, tuân thủ quan niệm đạo đức trong xã hội, tuân thủ những thứ ấy. Đó gọi là “*nước có quốc pháp, nhà có gia quy*”, tuân thủ quy củ là trì giới. Trì giới, ngàn muôn phần chó nên chết cứng nơi giới điều, [nếu chấp chết cứng] là sai mất rồi! Vì vậy, ý nghĩa này rất sâu, phạm vi hết sức to lớn.

Thứ ba là Nhẫn Nhục, tức là phải có lòng kiên nhẫn. Kinh Kim Cang đã dạy chúng ta: “*Hết thấy các pháp được thành tựu bởi Nhẫn*”. Nhẫn là kiên nhẫn, là tâm thường hằng. Có tâm thường hằng chính là cội rễ của thành công. Một người chẳng có lòng kiên nhẫn, chẳng có tâm thường hằng, chuyện gì cũng chẳng thành! Tỳ-kheo Pháp Tạng nghe kinh ngàn ức năm, người chẳng có lòng kiên nhẫn làm sao có thể thành tựu? Năm kiếp tu hành, có lòng kiên nhẫn rất lớn. Hiện thời sai phạm, khuyết điểm lớn nhất của chúng ta là thiếu kiên nhẫn, làm sao có thể thành công cho được? Gần đây, có không ít các đồng tu trong ngoài nước khuyên tôi lập Phật Học Viện, tôi cũng rất vui thích. Quý vị hãy thay tôi chiêu sinh, xem có thể chiêu sinh được hay không? Điều kiện làm học sinh của tôi là phải có lòng kiên nhẫn, vì sao? Tối thiểu trong ba năm đầu, tôi chẳng giảng kinh. Học trò trong Phật học viện mỗi ngày làm chuyện gì? Mỗi ngày niệm kinh cho tôi, mỗi ngày niệm tám tiếng đồng hồ, niệm suốt ba năm, một bộ kinh niệm đủ ba ngàn biến. Quý vị tìm xem, có thể tìm được học trò như vậy hay không? Có thể tìm được, tôi sẽ mở Phật Học Viện. Cách giáo học này là phương pháp giáo học trong trường tư thục xưa kia, mỗi ngày đều lớn tiếng niệm, học thuộc sách.

Chúng tôi khôi phục phương pháp thời đầu Dân Quốc, chẳng cần giảng kinh, mà bảo quý vị niệm. Mỗi ngày niệm kinh này một trăm biến, đương nhiên chẳng phải là niệm một bộ mà là niệm từng đoạn! Hôm nay hãy niệm cho tôi đoạn này một trăm lần. Sử dụng phương pháp này, niệm hết ba năm sẽ khai ngộ! Niệm tròn ba năm, Nhẫn Nhục Ba La Mật thành

tự, Thiên Định Ba La Mật thành tự, Tinh Tấn Ba La Mật cũng ở trong ấy, ba thứ ấy đều tu tốt đẹp. Đã tu thành công ba thứ ấy, nếu Phật Học Viện quy định chương trình là bốn năm thì năm cuối cùng giảng kinh suốt một năm bèn viên mãn, thành công, ai nấy đều khai ngộ! Nhưng trong suốt ba năm ấy, quý vị có thể chịu đựng hay không? Nếu chẳng chịu được, đọc ba ngày bèn chạy mất, làm sao có thể thành công cho được? Vì thế, cơ sở giáo dục trong ba năm ấy là tu phước, tu huệ, phước huệ song tu.

Tu phước như thế nào? Phước là làm việc cho thường trụ, làm những chuyện vun vát trong chốn thường trụ. Thuở trước, Lục Tổ đại sư ở núi Hoàng Mai tám tháng, hằng ngày giã gạo, bửa củi, làm những việc ấy là tu phước, phục vụ thường trụ. Tu tâm thanh tịnh trong công việc nặng nề. Tu tâm thanh tịnh là tu Định, tu Huệ. Do đó, phước, định, huệ cùng tu! Đối với cách làm trong các Phật Học Viện thông thường, tôi nhất quyết chẳng làm theo, [làm theo cách của họ sẽ] khiến cho con em người khác bị lầm lẫn!

Vì thế, Lục Độ là khuôn mẫu cho cuộc sống của chúng ta. Bất luận làm chuyện gì cũng phải có lòng kiên nhẫn, phải tinh tấn, phải cầu tiến bộ, phải có chủ ý, tâm phải định. Thường xuyên thấy lạ, nghĩ khác, tâm chẳng trọn đủ, chẳng có cách nào thành tựu. Tâm nhất định phải định, ta học bộ kinh này, tâm liền định trong bộ kinh này. Ta chưa học tốt đẹp bộ kinh này, tuyệt đối chẳng dấy lên ý niệm học bộ kinh thứ hai. Do tâm định, nên mới có thể học tốt đẹp, thật sự thành tựu. Niệm một bộ kinh tối thiểu ba ngàn lần, niệm càng nhiều càng hay, niệm khiến cho tâm đắc định. Nếu chẳng dùng phương pháp xa xưa này, cứ miễn cưỡng dùng phương pháp hiện thời, nói thật thà thì Nhẫn và Định đều chẳng có, đều làm không được.

Xưa kia, tôi theo học với thầy Lý, thầy đúng là rất dễ dãi, chẳng nghiêm ngặt cho lắm! Quý vị học một bộ kinh, chỉ cần quý vị lên bục giảng, giảng một lần là được rồi, kể như tốt nghiệp, có thể học bộ thứ hai. Tuy thầy yêu cầu chúng tôi giảng một lần, nhưng một lần chẳng đủ, ấn tượng chẳng sâu đậm, nên tôi khuyên các bạn đồng học, tôi nói “phải giảng mười lượt”. Mười lượt, đương nhiên là giảng trên bục giảng một lần, những lần khác không nhất định phải lên bục giảng, mà tìm các bạn thân. Mỗi tuần tôi giảng cho quý vị một lần, giảng trọn vẹn từ đầu đến cuối, thậm chí mỗi tuần giảng nhiều lượt. Hôm nay đến giảng ở nhà này, ngày mai đến nhà khác giảng, hôm sau nữa đến nhà khác để giảng, đồng thời giảng cùng một thứ, mỗi tuần có thể giảng hai lượt, ba lượt, dùng phương thức ấy. Gắng sức giảng mười biến, giảng đã quen rồi thì do quen thuộc

bền sanh khéo léo; nhưng có cách nào chế phục phiền não hay không? Chẳng có cách nào!

Càng thâm nhập, càng có cảm xúc. Chẳng đi theo con đường của cổ nhân, chẳng thể thành công, mới hiểu thật sâu câu nói của cổ nhân: “*Chẳng nghe lời người già, chịu thua thiệt trước mắt*”. Người hiện thời chẳng chịu nghe theo người già, nghĩ người già đầu óc lạc hậu, thời đại đã qua, hiện thời mới mẻ hơn! Thật chẳng biết mới là do cũ hình thành, chẳng có cũ, lấy đâu ra mới? Cũ là cầu Căn Bản Trí, kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”; trước hết, quý vị phải cầu vô tri rồi mới có thể đạt tới “*không gì chẳng biết*”. Vừa mở đầu liền cầu có biết, hỏng rồi! Định, Huệ, phước đức của quý vị hoàn toàn bị phá hoại, thành tựu của quý vị trong tương lai chẳng có Huệ, chẳng có Định, mà cũng chẳng có phước. Quý vị mới biết Thiền Định rất trọng yếu!

Đối với Thiền Định, chúng ta không nói tới chỗ sâu xa, mà nói là quý vị phải định nơi một môn! Quý vị làm việc thì tâm phải định nơi công việc. Nay ta đang nấu thức ăn, tâm ta định nơi nấu nướng thức ăn, món ăn ấy nhất định nấu rất ngon. Ta đọc kinh, tâm định nơi đọc kinh, kinh ấy nhất định niệm rất khá! Phàm khi gặp chuyện, tâm nhất định phải chuyên chú, chuyên chú là Thiền Định, đó gọi là “*tâm vô nhị dụng*”, như vậy thì mới có thể thành công! Thiền Định chẳng phải là bảo quý vị mỗi ngày ngồi xếp bằng nhìn vào tường, chẳng phải vậy! Thiền Định kiểu ấy vô dụng, chẳng khởi tác dụng! Tu tập chẳng đàng hoàng còn bị ma dựa, phiền phức to lớn! Vì thế, tôi dạy quý vị Thiền Định là phải chuyên chú nơi sự tướng, đó là Thiền Định. Tâm định bền sanh trí huệ, ứng dụng trí huệ vào cuộc sống. Nói đơn giản theo thuật ngữ hiện tại là “*sử dụng lý trí, chẳng dùng cảm tình*”. Lý trí là trí huệ, là trí huệ Bát Nhã. Chớ nên xử sự theo cảm tình, phải bình tĩnh, khách quan, đó là trí huệ. Vì thế, nhất định phải tu hành Lục Độ.

“*Liễu Không, Vô Tướng, Vô Tác*”, Không, Vô Tướng, Vô Tác (Vô Nguyên) là tam đại không tam-muội. “*Liễu*” (了) là hiểu rõ, Không, Vô Tướng, Vô Tác là ba môn giải thoát của Pháp Thân đại sĩ. Thật sự thông đạt hiểu rõ thì mức độ thấp nhất cũng là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Nói theo phía người niệm Phật, quý vị đạt đến cảnh giới này, liền chứng đắc Lý nhất tâm không loạn, chứ Sự nhất tâm chưa đạt tới cảnh giới này. “*Không*” là nói về Thể, tức là bản thể của vạn pháp trong vũ trụ. “*Tướng*” là nói đến tướng hiện ra, Tướng có, Thể không. Tâm Kinh dạy: “*Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc. Sắc chính là Không, Không chính là Sắc*”. Sắc là tướng, Không là bản thể, là một, không hai. “*Nguyên*”

là nguyện cầu, trong hết thấy các pháp vô cầu. Chân thật tu đạo, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng cầu, tâm chúng ta liền thanh tịnh. Người khác cho chúng ta hết thấy các pháp, chúng ta chẳng cần. Đối với hết thấy các pháp, chúng ta chẳng nghĩ tưởng, thật sự có thể đạt đến mức vô cầu, chẳng cần, chẳng nghĩ tới, tâm như vậy mà niệm A Di Đà Phật bèn có thể tương ứng. Trong hết thấy các pháp, quý vị còn cầu, còn muốn, hằng ngày nghĩ tưởng, sẽ chẳng niệm A Di Đà Phật tốt đẹp, rất khó tương ứng! Vô Tác trong ba đại không tam-muội còn gọi là Vô Nguyện.

“*Dĩ hạnh giáo hóa*”, giáo hóa là chỉ dạy hết thấy chúng sanh. Đã là vô cầu, vô nguyện, vì sao còn muốn giáo hóa? Giáo hóa cũng là vô cầu, vô nguyện, vì sao? Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ*”. Tùy duyên, nhưng chẳng phan duyên, hết thấy là tự nhiên. Giáo hóa hết thấy chúng sanh như vậy, chẳng đánh mất tâm thanh tịnh của chính mình, trong Phật pháp cũng bất đắc dĩ nói một danh từ là “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*”. Thừa quý vị, cách nói này là vì chúng sanh chẳng có cách nào thấu hiểu chân tướng, Phật bất đắc dĩ nói hai câu ấy để an ủi mọi người, đó gọi là “*hoàng diệp chỉ đề*”. “*Hoàng diệp chỉ đề*” (lá vàng dỏ trẻ đừng khóc) là gì vậy? Trẻ nhỏ khóc nhè, người lớn bảo trẻ đừng khóc, dỏ cách nào cũng chẳng được, bèn nhặt một chiếc lá trên mặt đất, dùng chiếc lá ấy gạt trẻ. “Chiếc lá này có giá lắm, bé đừng khóc, đem đi đổi lấy kẹo ăn”. Trẻ nghe chiếc lá ấy rất có giá, đổi được kẹo, nó sẽ thôi khóc, mục đích bèn đạt được!

Tôi lại thưa cùng quý vị, hết thấy các kinh pháp do đức Phật đã nói đều là “*hoàng diệp chỉ đề*”, cũng nhằm làm cho quý vị đừng suy nghĩ loạn xạ, đừng dấy vọng tưởng. Chỉ cần quý vị chẳng suy nghĩ lung tung, liền minh tâm kiến tánh, khai ngộ, khôi phục bản lai diện mục. Do vậy, đức Phật có từng thuyết pháp hay không? Đúng là đức Phật chẳng nói một câu pháp nào! Mọi người phải hiểu rõ đạo lý này. Tuy chúng ta thấy Phật, Bồ Tát đúng là đại từ đại bi, nhưng trong tâm các Ngài chắc chắn chẳng có những ý niệm ấy. Nếu trong tâm các Ngài có một [ý niệm] đại từ đại bi, các Ngài là phàm phu, vì trong tâm các Ngài còn có một pháp, còn có một vật! Lục Tổ nói “*vốn chẳng có một vật*”, nhưng trong tâm các Ngài còn đại từ đại bi, hồng rồi! Liền biến thành phàm phu. Phật chẳng có [những ý niệm ấy]! Quý vị phải chú tâm thấu hiểu ý nghĩa chân thật.

Phật là gì? Là tự tánh của chúng ta. “*Phật hết thấy chẳng có*”, tức là trong tự tánh của chúng ta thứ gì cũng đều chẳng có. “*Dĩ hạnh giáo hóa*” như vậy, Ngài giáo hóa, bản thân Ngài cũng thường tu các hạnh,

trộn chẳng phải là không tu hành, Ngài một mặt tu hành, một mặt giáo hóa chúng sanh, chẳng rớt vào Không! Tuy tu hành giáo hóa chúng sanh, tâm địa sạch lâu lâu, chẳng nhiễm mảy trần, lại chẳng chấp trước Có. Hai bên Không và Có đều chẳng chấp, Thể, Tướng, tác dụng của tự tánh mới hiển lộ toàn thể, đó là Tánh Đức hiển hiện, kinh Phật bảo là “*pháp nhĩ như thị*”, tức là tự nhiên nó là như thế.

“*Trí vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm*” (khiến cho vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm). Đức Phật giáo hóa, giúp đỡ nhiều chúng sanh như vậy, khơi gợi, hướng dẫn nhiều chúng sanh giác ngộ. “*Bồ Đề tâm*” là giác tâm, nói cách khác, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, cái tâm khai ngộ là Bồ Đề tâm. Giúp các chúng sanh khai ngộ, đó là “*đại hạnh*”. Lại thưa rõ cùng quý vị, giác ngộ triệt để nhất, viên mãn nhất là tin tưởng “niệm Phật vãng sanh thành Phật”, cũng có nghĩa là quý vị tiếp nhận pháp môn Tịnh Độ. Đó là đại triệt đại ngộ, còn triệt để, còn viên mãn hơn “minh tâm kiến tánh” trong Thiền Tông. Vì sao? Trong Thiền Tông, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sau khi đã ngộ còn phải khởi tu, tu hành còn bị thoái chuyển, còn bị mê khi cách ảm. Trong Tịnh Độ, tuy chẳng minh tâm kiến tánh, Kiến Tư phiền não cả một đồng lớn, một phẩm cũng chẳng đoạn, nhưng quý vị có thể thật sự tin tưởng, nguyện thiết tha, đời này chắc chắn quý vị vãng sanh! Sau khi vãng sanh sẽ bất thoái thành Phật, đại triệt đại ngộ trong Thiền Tông làm sao có thể sánh bằng? Chẳng có cách nào so sánh! Hễ vãng sanh, quý vị quyết định chẳng thoái chuyển, quyết định chẳng bị mê khi cách ảm. Dầu là nguyện tâm của quý vị rất lớn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tuy chưa có thành tựu, đã mong đến thế giới phương khác làm Bồ Tát hồng hóa độ chúng sanh, có bị mê khi cách ảm hay không? Chẳng có. Phàm là Bồ Tát đến từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đều chẳng bị mê khi cách ảm. Trong bốn mươi tám nguyện có điều này, kinh Vô Lượng Thọ đã nói rõ. Có thể tin tưởng pháp môn này, có thể nương theo pháp môn này để tu học, tức là đạt đến giác ngộ triệt để rốt ráo. Ngẫu Ích đại sư nói: “*Phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ là Vô Thượng Bồ Đề tâm*”, lời ấy nói chẳng sai tí nào, đó là đại hạnh.

(Sao) Ngôn công đức giả, tức thử hạnh nguyện, danh vi công đức.
Đại Bổn vân: “Như thị tích công lũy đức, vô lượng thiên vạn ức kiếp, công đức viên bị, phương đắc thành tựu tư nguyện, nhi nhập Phật vị”.

(鈔)言功德者，即此行願，名為功德。大本云：如是積功累德，無量千萬億劫，功德圓備，方得成就斯願，而入佛位。

(Sao: Nói tới công đức thì hạnh nguyện này được gọi là công đức. Kinh Đại Bản nói: “Tích lũy công đức như thế trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp, công đức trọn đủ, nên mới thành tựu nguyện ấy, bèn dự vào địa vị Phật”).

Đoạn này nói rõ tỳ-kheo Pháp Tạng công đức viên mãn, thành Phật. “Công” là công phu, “đức” có cùng một ý nghĩa với “đắc”. Quý vị đồ công đốc sức, tự nhiên liền có thể đạt được. Chẳng có công phu, sẽ chẳng đạt được! Công được nói ở đây là tu hành, “đức” là chứng quả, mà “đức” cũng là khôi phục tự tánh. Trong bộ kinh này, cũng là nói theo pháp môn Tịnh Độ, nói tới công đức là nói tới hạnh nguyện, “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”, đó là công đức. Bản thân chúng ta tu như vậy, thành tựu công đức của chính mình, khuyên người khác tu, giúp người khác thành tựu công đức.

“*Như thị tích công lũy đức*” (tích lũy công đức như thế). Trong lúc tu nhân, Phật Di Đà đã tích lũy công đức, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Nay chúng ta tích lũy công đức rất dễ dàng! Vì sao? Dùng một câu danh hiệu A Di Đà Phật, biến công đức đã tu trong vô lượng kiếp của A Di Đà Phật thành công đức của ta, điều này chẳng thể nghĩ bàn. Có lẽ chư vị sẽ nói, điều này làm sao có thể thực hiện được? Tôi nêu tỷ dụ, khoa học kỹ thuật hiện tại tân tiến nhất là ngành hàng không. Quý vị thấy máy bay được phát minh bao nhiêu năm? Bao nhiêu người [miệt mài] trong viện nghiên cứu, tốn bao nhiêu thời gian, bao nhiêu tinh lực, chế tạo thành công. Nếu chúng ta muốn chế tạo máy bay, cũng chẳng cần phải nghiên cứu, chỉ cần chiếu theo sơ đồ thiết kế (blueprint) bèn làm được. Thành quả trong vài thập niên của người khác, chúng ta đạt được trong chốc lát. Cùng một đạo lý, những gì A Di Đà Phật bao kiếp đã tu trong đời đời kiếp kiếp, chúng ta liền viên mãn trọn đủ ngay trong một niệm, đạt được toàn bộ, đó là Phật Di Đà đem công đức gia trì chúng ta. Tâm chúng ta phải tương ứng với tâm Phật Di Đà thì công đức của câu Phật hiệu mới viên mãn trọn đủ. Tâm chẳng giống A Di Đà Phật, niệm câu danh hiệu này “miệng có, tâm không”, công đức lợi ích rất khó đầy đủ, trọn vẹn. Chẳng thể nói là không có. Có! Nhưng chẳng viên mãn.

(Sao) Hoa Nghiêm nguyện hạnh giả, Hoa Tạng Thế Giới phẩm vân: “Thử Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, thị Tỳ Lô Giá Na vãng tích vi trần số Phật sở, tu vi trần số đại nguyện chi sở nghiêm tịnh”.

(鈔) 華嚴願行者，華藏世界品云：此華藏莊嚴世界海，是毗盧遮那往昔微塵數佛所，修微塵數大願之所嚴淨。

(Sao: “Hoa Nghiêm nguyện hạnh”: Phẩm Hoa Tạng Thế Giới [trong kinh Hoa Nghiêm] có nói: “Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải này là do đức Tỳ Lô Giá Na trong quá khứ đã ở chỗ vi trần số Phật tu vi trần số đại nguyện chỗ để nghiêm tịnh”).

Kinh Hoa Nghiêm nói tới thế giới Hoa Tạng, chúng ta còn gọi thế giới ấy là Nhất Chân pháp giới. Đối với phần kinh văn được trích dẫn ở đây, quý vị cũng thấy rất dễ hiểu, thế giới Hoa Tạng do đâu mà có? Do Tỳ Lô Giá Na tu thành, chẳng khác A Di Đà Phật. A Di Đà Phật tham phòng hai trăm mười ức cõi nước, còn Tỳ Lô Giá Na Phật tại “*vãng tích vi trần số Phật sở*”, vi trần số Phật sở và hai trăm mười ức Phật sát chẳng khác nhau, ý nghĩa tương đồng. Phương pháp tu học hết sức phù hợp khái niệm khoa học hiện đại, nhất định phải tham phòng, nhất định phải khảo sát. Người Hoa nói: “*Đọc vạn cuốn sách, đi vạn dặm đường*”, chẳng ra khỏi cửa chẳng được! Tầm mắt chẳng thể mở mang! Đến thăm mỗi nơi, mở mang tầm mắt, mới thật sự liễu giải tướng thế gian. Sau đấy, chúng ta đọc kinh, tự nhiên ngộ xứ khác hẳn, vì sao? Vì quý vị đã thấy rất nhiều khuyết điểm, xem kinh, thấy câu này có thể đối trị tật xấu ấy, ngay lập tức giác ngộ. Quý vị chẳng hiểu căn bệnh của chúng sanh, khi xem kinh, chẳng thể nhận biết, nên những gì quý vị nói và lãnh hội đều nằm trong chú giải của cổ nhân, chẳng có cách nào vận dụng trong cuộc sống hiện tại. Vì thế, quý vị phải xem nhiều, đến khắp nơi của Trung Hoa và ngoại quốc để xem cho nhiều! Đối với các tầng lớp nhân sự ở những nơi đó, tốt nhất là quý vị đều có thể tiếp xúc, đều có thể cùng họ trò chuyện thì mới có thể liễu giải. Sau đó, quý vị đọc kinh, ngộ xứ sẽ khác hẳn. Quý vị giảng Phật pháp cho người khác, cách giảng cũng khác hẳn, người khác nghe giảng, rất dễ tiếp nhận. Do vậy, trong Phật môn coi trọng tham học. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là năm mươi ba lần tham học. A Di Đà Phật nhiếp thủ hai trăm mười ức quốc độ chính là tham học. Trong quá khứ, Tỳ Lô Giá Na Phật ở chỗ vi trần số Phật chính là tham học. Quý vị chẳng tham học thì làm sao được? Làm sao có thể thành tựu trí huệ cho được? Đó là dùng vô số đại nguyện để nghiêm tịnh, nên mới có thế giới Hoa Tạng.

(Sao) Hựu hạ vân: Phổ Hiền trí địa hạnh tất thành, nhất thiết trang nghiêm từ đảnh xuất, lệ Pháp Tạng nguyện hạnh, diệt do thị dã.

(鈔) 又下云：普賢智地行悉成，一切莊嚴從此出，例法藏願行，亦猶是也。

(Sao: Sau đó lại nói: “Trí địa của Phổ Hiền ắt phải do hạnh thành, hết thấy sự trang nghiêm từ đảnh mà ra”, phỏng theo lệ đó, nguyện hạnh của ngài Pháp Tạng cũng phải giống như vậy).

“Phổ Hiền trí địa hạnh tất thành”, trí địa của Phổ Hiền Bồ Tát cũng nương vào Hạnh thì mới có thể thành tựu. Trước có nguyện, sau có hạnh, đều nhằm nói rõ thứ tự giữa nguyện và hạnh. Phổ Hiền Bồ Tát là như thế, mà Tỳ Lô Giá Na Phật cũng là như thế. Có thể thấy ngài Pháp Tạng thành Phật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy! Những câu này đều nhằm khích lệ chúng ta, nhất định là phải trước hết phát đại nguyện, dùng hạnh để đền đáp nguyện thì mới có thể thành tựu. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!